

Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright

MPP 2024, Năm học 2022 - 2023

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

Bài tập 2

Tiền tệ và lạm phát

Ngày nộp: 8:20AM, Thứ Ba, 28/3/2023

Câu 1: Đo lường lạm phát (25 điểm)

Thông kê Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) các tháng trong năm của Việt Nam như sau:

	2010	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	101,36	100,46	100,51	100,10	101,23	100,06
Tháng 2	101,96	100,23	100,73	100,80	99,83	101,52
Tháng 3	100,75	100,21	99,73	99,79	99,28	99,73
Tháng 4	100,14	100,00	100,08	100,31	98,46	99,96
Tháng 5	100,27	99,47	100,55	100,49	99,97	100,16
Tháng 6	100,22	99,83	100,61	99,91	100,66	100,19
Tháng 7	100,06	100,11	99,91	100,18	100,40	100,62
Tháng 8	100,23	100,92	100,45	100,28	100,07	100,25
Tháng 9	101,31	100,59	100,59	100,32	100,12	99,38
Tháng 10	101,05	100,41	100,33	100,59	100,09	99,80
Tháng 11	101,86	100,13	99,71	100,96	99,99	100,32
Tháng 12	101,98	100,21	99,75	101,40	100,10	99,82
Năm 2010 = 100	100,00	153,68	159,11	163,56	168,83	171,93

Yêu cầu:

- Hãy tính chỉ số giá bình quân tháng trong các năm.
- Tính chỉ số giá tháng 12 năm sau so với tháng 12 năm trước.
- Năm liền trước là năm cơ sở, hãy tính chỉ số giá các năm.
- Tính tỷ lệ lạm phát từng năm giai đoạn 2017-2021. (Hãy minh họa bằng đồ thị).

Câu 2: Tiền tệ (25 điểm)

Khối lượng tiền M trong năm 2022 của nền kinh tế Phú Quý là 480 nghìn tỉ bạc. Tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông so với tiền gửi ($c = C/D$) là 0,2; tỷ lệ dự trữ bắt buộc ($rr = RR/D$) là 10% tổng số tiền gửi để đảm bảo an toàn hệ thống. Ngoài ra, các ngân hàng thương mại còn dự trữ vượt mức ($er = ER/D$) thêm 20% trên số tiền huy động để đảm bảo thanh khoản, còn lại cho vay hết ra nền kinh tế. Giả định bỏ qua các yếu tố khác.

- Số nhân tiền (m) trong năm 2022 là bao nhiêu?

- b. Tính khối tiền cơ sở (*MB*) của Phú Quý trong năm 2022.
- c. Trong năm 2023, ngân hàng trung ương muốn thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát, theo đó cung tiền sẽ được thu hẹp còn 396 nghìn tỉ bạc.
Hỏi NHTW có thể can thiệp vào: (i) tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hoặc (ii) tiền cơ sở *MB* như thế nào để đạt được mục tiêu chính sách (giả định các yếu tố khác không đổi)?

Câu 3: Tiền tệ và lạm phát (25 điểm)

Nền kinh tế Nước Ngọt có hàm cầu tiền thực như sau: $\left(\frac{M}{P}\right)^d = kY$

Trong đó, k là tham số cố định. Giả sử cung tiền danh nghĩa tăng 14% mỗi năm, GDP thực tăng 8%/năm.

- a. Tỷ lệ lạm phát bình quân là bao nhiêu?
- b. Lạm phát sẽ thế nào nếu GDP thực tăng trưởng 10%/năm? Hãy giải thích.
- c. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP thực năm tới là 6%, tỷ lệ lạm phát 4%. Hỏi ngân hàng trung ương nên điều hành chính sách tiền tệ như thế nào để đạt được mục tiêu lạm phát?
- d. Tham số k được hiểu như thế nào? Có mối liên hệ nào giữa tham số k và tốc độ vòng quay tiền (V) không?
- e. Thay vì hàm cầu tiền không đổi, giả sử vòng quay tiền tăng ổn định do những cách tân trên thị trường tài chính. Điều này có thể ảnh hưởng thế nào đến lạm phát (các yếu tố khác không đổi)? Hãy giải thích.

Câu 4: Lạm phát Việt Nam (25 điểm)

Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu cao kỷ lục trong các năm 2021 và 2022, nhất là ở Mỹ và EU, nhiều người lo ngại Việt Nam là nền kinh tế mở nên khó tránh khỏi áp lực “nhập khẩu” lạm phát. Thực tế cho thấy Việt Nam vẫn duy trì tỷ lệ lạm phát tương đối thấp so với nhiều nước.

Theo anh/chị, đâu là những nguyên nhân giúp Việt Nam kiểm soát được mục tiêu lạm phát thấp so với mặt bằng chung các nước trong những năm 2021 và 2022? Bước sang năm 2023, Việt Nam có thể đối mặt với những thách thức nào trong việc kiểm chế lạm phát dưới 4,5% mà Quốc hội đã đề ra? Những tác động mà lạm phát có thể gây ra đối với nền kinh tế Việt Nam sẽ như thế nào? Làm thế nào để Chính phủ có thể kiểm soát được mục tiêu lạm phát 2023?

Anh/chị hãy trả lời những câu hỏi trên đây dưới dạng một **bài phân tích ngắn** không quá **1.200 chữ** (đếm trên MS. Words).